

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 30/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 giữa:

- **Nguyên đơn: Chị Triệu Thị Thu T;** sinh năm: 1983

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: xóm N, xã Đ, huyện H, Cao Bằng.

- **Bị đơn: Anh Phạm Văn H ;** sinh năm: 1969

Nơi ĐKKHKT: xóm S, xã S, huyện H, Cao Bằng

Chỗ ở hiện nay: xóm N, xã Đ, huyện H, Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Các Điều 55, 58, 59, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Triệu Thị Thu T và anh Phạm Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Triệu Thị Thu T và anh Phạm Văn H.

- **Về nuôi con chung:** Công nhận sự thoả thuận giữa chị T và anh H về việc

sau khi ly hôn chị T sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Phạm Thị H sinh ngày 19/11/2010 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- **Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung:** Công nhận sự thỏa thuận giữa chị T và anh H về việc anh H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung.

- **Về tài sản chung:** Chị T và anh H cùng thừa nhận vợ chồng có tài sản chung và không yêu cầu tòa án giải quyết, nhưng hai bên đương sự có yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự, cụ thể: Chị T phải thanh toán cho anh H số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Việc thanh toán chia làm hai lần:

Lần 1: Vào ngày 12/4/2019, thanh toán số tiền 15.000.000đ (Mười năm triệu đồng).

Lần 2: Vào ngày 30/12/2019, thanh toán số tiền 35.000.000đ (Ba mươi năm triệu đồng).

Hết thời hạn thỏa thuận nêu trên, nếu nguyên đơn chị T không thanh toán số tiền trên cho anh H theo như thỏa thuận, bị đơn anh H có đơn yêu cầu thi hành án, chị T sẽ phải chịu lãi suất chậm trả của số tiền phải thi hành tương ứng thời gian chậm trả; mức lãi suất tính theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- **Về nợ chung:** Chị T và anh H cùng thừa nhận vợ chồng có nợ chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị T và anh H mỗi người phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi năm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước cho việc thuận tình ly hôn. Chị T tự nguyện nộp án phí dân sự bao gồm cả phần của anh H với tổng số tiền là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2018/0001281 ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng. Nay chị T được hoàn lại số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sù;
- VKSND huyện Hoà An;
- CCTHADS huyện Hoà An;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- UBND TT Xuân Hòa, Hà Quảng;
- Lưu án văn;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Dong